

Bản án số: 159/2026/HS-PT
Ngày 07/9/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Triệu Thị Luyện.

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Tú, bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Khánh Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Diễm H- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 315/2026/TLPT-HS ngày 11/8/2026 đối với các bị cáo Lê Hoài N, Lê Thái H1 do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2026/HS-ST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5- Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 482/2026/QĐXXPT-HS ngày 25/8/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Lê Hoài N, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2008 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 8 tháng 12 ngày) tại tỉnh Bắc Ninh; tên gọi khác: Không; số định danh cá nhân: 024208016363.

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh B (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoài N: Ông Lê Văn T, sinh năm 1978 (là bố đẻ) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978 (là mẹ đẻ - đều có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh Bắc Ninh

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoài N:

- Ông Hoàng Trọng N1- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T6 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

- Bà Ngọc Thị V- Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: Số I, đường Q, phường B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên

án).

- Bà Vũ Thị N2- Luật sư Công ty L1- Chi nhánh B, địa chỉ số B, đường L, phường B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt)

2. Họ và tên: Lê Thái H1, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2008 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 05 tháng 25 ngày) tại tỉnh Bắc Ninh; tên gọi khác: Không; số định danh cá nhân: 024208011455.

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Sán diu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Lục Thị T1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh B (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Thái H1: Ông Lê Văn S, sinh năm 1984 (là bố đẻ- có mặt) và bà Lục Thị T1, sinh năm 1986 (là mẹ đẻ- vắng mặt); cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, tỉnh Bắc Ninh

Người bào chữa của bị cáo Lê Thái H1:

- Bà Trần Thu T2- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm T6 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

- Ông Nguyễn Đức T3- Luật sư Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, đường L, phường B, tỉnh Bắc Ninh.

- Bà Vũ Thị N2- Luật sư Công ty L1- Chi nhánh B, địa chỉ số B, đường L, phường B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo, vụ án không có kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 35 phút ngày 30/3/2026, tại nơi ở của Bùi Bá Tùng D, Tổ công tác của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang Bùi Bá Tùng D, sinh năm 2001, nơi cư trú: thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh; Lê Thái H1 và Lê Hoài N đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình làm việc có Tô Văn T4, sinh năm 2000, nơi cư trú: thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh, đi đến nhà của D, khi thấy lực lượng Công an thì T4 bỏ chạy nhưng bị lực lượng công an bắt giữ. Tang vật thu giữ gồm:

- Thu trên mặt bàn kính kê trong phòng khách nhà của Bùi Bá Tùng D gồm: 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ bên trong bám dính chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, viên màu đỏ bên trong bám dính chất màu hồng đỏ nghi là ma túy; 01 (một) mảnh giấy bạc có 02 mặt màu trắng bạc, một mặt của

mảnh giấy bạc có bám dính chất màu đen nghi là ma túy (Tất cả được niêm phong trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT DƯƠNG”)

- Thu giữ tại túi áo khoác đang mặc của Tô Văn T4 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa nhựa, bên trong đựng 01 (một) viên nén hình chữ nhật màu hồng nghi là ma túy (Được niêm phong trong 01 phong bì có ký hiệu “QT TÙNG”).

Ngoài ra còn thu giữ: 01 chai nhựa có nắp đậy màu đen, trên nắp đậy được gắn 2 đoạn ống hút, 1 bật lửa ga màu đỏ, 1 túi nilon màu trắng có nhiều ống hút nhựa nhiều màu sắc, số lượng nhiều không kiểm đếm, 01 điện thoại iPhone 16Promax màu vàng hồng của Bùi Bá T5 Dương; 01 điện thoại iPhone 11 màu tím của Lê Hoài N, 01 điện thoại iPhone 6s Plus màu vàng của Lê Thái H1; 01 điện thoại iPhone 12 màu xanh của Tô Văn T4; 01 xe mô tô biển số 98E1-805.49 của Tô Văn T4.

Cùng ngày cơ quan điều tra tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với Lê Hoài N, Lê Thái H1. Kết quả H1, N đều dương tính với chất ma túy Methamphetamine.

* Tại bản Kết luận giám định số 1497 ngày 03/4/2026 của phòng K Công an tỉnh B, kết luận:

- Trong 01 phong bì ký hiệu “QT Dương” có chất tinh thể màu trắng bám dính trong 1 túi nilon màu trắng, là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng; chất màu hồng đỏ bám dính trong 01 túi nilon màu trắng là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng; chất màu đen bám dính trên một mặt của 01 mảnh giấy bạc có hai mặt màu trắng bạc là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng;

- Trong 01 phong bì ký hiệu “QT Tùng” có: 01 viên nén hình chữ nhật màu hồng đựng trong 01 túi nilon màu trắng là ma túy, khối lượng 0,398 gam, loại MDMA.

- Trong các chai nhựa màu trắng có nắp đậy lần lượt ký hiệu “D”, “Nam”, “H1”, “T4” đã được niêm phong gửi giám định có: tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong các mẫu nước tiểu thu của Bùi Bá Tùng D, Lê Hoài N; tìm thấy chất ma túy MDMA trong mẫu nước tiểu thu của Tô Văn T4, không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu nước tiểu thu của Lê Thái H1.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 30/3/2026, Lê Hoài N và Lê Thái H1 cùng ngồi uống nước ở khu vực bờ hồ thuộc phường C, tỉnh Bắc Ninh. Tại đây, N nảy sinh ý muốn sử dụng ma túy đá và ma túy ngựa nên rủ H1 “có chơi đồ không”, ý là sử dụng ma túy thì Hòa đồng Ý. Sau đó, N dùng điện thoại của N nhắn tin từ tài khoản Messenger “L3” đến tài khoản Messenger “Tung Dương” của Bùi Bá T5

D nội dung “góp gạo không”, ý muốn hỏi D xem có góp tiền mua ma túy sử dụng cùng N không thì Dương nhắn lại “tao không có tiền, mày chơi thì tao lấy cho”, N đồng ý. Sau đó, N và H1 cùng đi bộ đến nhà D nhưng D chưa lấy được ma túy nên N và H1 quay về.

Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, D gọi điện cho N bảo N đến đưa tiền để mua ma túy. Sau đó, N đi xe mô tô biển kiểm soát 99AB-286.24 đến nhà H1 để đón H1 đến nhà D sử dụng ma túy. Khi đến nhà D, N dùng điện thoại của N để chuyển tiền từ số tài khoản 0009857810891 Ngân hàng V1 của N đến số tài khoản 105884002606 Ngân hàng V2 của D, số tiền 500.000 đồng để D mua ma túy. Sau khi nhận được tiền của N, D gọi điện cho Tô Văn T4 để nhờ T4 mua ma túy thì T4 đồng ý. D chuyển tiền đến số tài khoản 6651208386666 Ngân hàng M1 của T4, số tiền 300.000 đồng để trả tiền mua ma túy. Khoảng 10 phút sau, D, N, H1 đang ngồi ở bàn uống nước tại tầng 1 nhà D thì T4 đến và đưa cho D 01 túi nilon chứa ma túy đá và 01 túi nilon chứa ma túy ngạ. Dương cầm ma túy còn T4 đi về. Sau đó D lấy từ gầm ghế bàn uống nước 01 chai nhựa nắp màu đen, 01 mảnh giấy bạc để lên mặt bàn rồi cắm 02 ống hút vào nắp chai nhựa, sau đó D đổ ma túy đá và ngạ vào mảnh giấy bạc, dùng bật lửa hơi nóng ma túy rồi ngậm một đầu ống hút ma túy qua bình hút vào trong cơ thể. Sau khi sử dụng ma túy xong, D đưa ống hút cho N rồi châm lửa hơi nóng ma túy cho N sử dụng. N sử dụng ma túy xong thì N đưa ống hút cho H1, D tiếp tục châm lửa hơi nóng ma túy cho H1 sử dụng. D sử dụng ma túy khoảng 4-5 lần thì không sử dụng nữa mà ngồi nghỉ, còn N và H1 tiếp tục sử dụng ma túy. N và H1 thay nhau châm lửa hơi nóng ma túy trên giấy bạc cho nhau sử dụng được khoảng 02 lần thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật như đã nêu trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành cho N, H1, D thực nghiệm hành vi những lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nơi ở của D. Kết quả, các bị cáo thực hiện thành thực các động tác, phù hợp với lời khai và vật chứng đã thu giữ.

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động iPhone 6Plus màu vàng, 01 điện thoại di động iPhone 11 màu tím, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 99AB-286.24 được chuyển đến kho vật chứng của phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Bắc Ninh để xử lý theo quy định của pháp luật. Các vật chứng còn lại được tách ra để giải quyết trong vụ án khác.

Từ những nội dung nêu trên, bản Cáo trạng số 30/CT-VKS-KV5 ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Lê Hoài Nam về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) và truy tố bị cáo Lê Thái H1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất

ma túy” theo điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025).

Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2026/HS-ST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5- Bắc Ninh đã xét xử và quyết định:

1. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt Lê Hoài N 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 31/3/2026). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 8 Điều 151 Luật Tư pháp người chưa thành niên: Quyết định tạm giam bị cáo Lê Hoài N 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/6/2026) để đảm bảo thi hành án.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt Lê Thái H1 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 31/3/2026). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 8 Điều 151 Luật Tư pháp người chưa thành niên: Quyết định tạm giam bị cáo Lê Thái H1 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/6/2026) để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2026, người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoài N là ông Lê Văn T, người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Thái H1 là ông Lê Văn S nộp đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo do bản án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ về tình tiết của vụ án, động cơ, mục đích khi phạm tội của các bị cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo N, bị cáo H1 khai: Tòa án sơ thẩm tuyên các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, không oan; nội dung diễn biến sự việc, hành vi các bị cáo thực hiện như bản án sơ thẩm nêu là đúng.

Ông Lê Văn T, ông Lê Văn S đều thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, không đề nghị xem xét các nội dung khác của bản án sơ thẩm. Tòa sơ thẩm tuyên xử các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng, không oan, nội dung diễn biến sự việc như bản án sơ thẩm nêu là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Hoài N là ông Lê Văn T, của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Thái H1 là ông Lê Văn S, giữ nguyên mức hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2026/HS-ST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh:

+ Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt Lê Hoài N 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 31/3/2026). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt Lê Thái H1 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 31/3/2026). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoài N đều trình bày ý kiến tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là đúng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ, đề nghị không áp dụng tình tiết định khung theo điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo vì cả hai bị cáo Lê Hoài N, Lê Thái H1 cùng đồng thuận sử dụng ma túy. Các bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, chưa hình thành đủ nhân cách, bị cáo đã rất thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, có khả năng cải tạo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, xử phạt bị cáo Lê Hoài N từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù để bị cáo sớm trở về hòa nhập xã hội trở thành người tốt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thái H1 đều trình bày ý kiến tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là đúng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ; đề nghị không áp dụng tình tiết định khung theo điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo vì cả hai bị cáo Lê Hoài N,

Lê Thái H1 cùng đồng thuận sử dụng ma túy. Quá trình sử dụng ma túy các bị cáo chỉ mong muốn đạt được mục đích đưa ma túy vào cơ thể, các bị cáo không quan tâm đến độ tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Thái H1 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Liên quan đến việc áp dụng tình tiết định khung “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự chưa có văn bản nào loại trừ đối với người dưới 18 tuổi. Các bị cáo không bắt buộc phải biết được tuổi của người tham gia sử dụng ma túy cùng thì mới bị áp dụng tình tiết định khung này. Do vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã phát biểu.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các bị cáo nộp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật là đơn kháng cáo hợp pháp, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

**Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:*

[2] Về tội danh của các bị cáo: Căn cứ Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 20 giờ 55 phút ngày 30/3/2026; Kết luận giám định số 1497 ngày 03/4/2026 của phòng K Công an tỉnh B; lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm; lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 30/3/2026, Lê Hoài N, sinh ngày 18/7/2008 có hành vi rủ Lê Thái H1, sinh ngày 05/10/2008 và Bùi Bá T5 D cùng sử dụng ma túy. Lê Hoài Nam N chuyển cho Bùi Bá T5 Dương 500.000đồng để D đi mua ma túy cho cả N, H1 và D cùng sử dụng. D chuẩn bị chai nhựa có nắp đậy và giấy bạc để làm dụng cụ sử dụng ma túy. Khoảng 20 giờ ngày 30/3/2026, Lê Thái H1, Lê Hoài N và Bùi Bá Tùng D cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy Methamphetamine tại nơi ở của Bùi Bá Tùng D. Trong quá trình sử dụng chất ma túy, N và H1 còn thay nhau châm lửa hơ nóng ma túy cho nhau sử dụng cho đến khi bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phá vỡ chính sách độc quyền quản lý nghiêm ngặt của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tổn hại nghiêm trọng đến thể chất, tinh thần của nhiều người cùng lúc, là mầm mống dẫn đến các tội phạm nguy hiểm khác như trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích hay gây rối trật tự công cộng...Bản án sơ thẩm

tuyên xử bị cáo Lê Hoài N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025; bị cáo Lê Thái H1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025) là đúng, không oan.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lê Hoài N, bị cáo Lê Thái H1 đề nghị xem xét lại tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[3] Về vai trò các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Lê Hoài N là người tổ chức, khởi xướng cho bị cáo H1 và D sử dụng ma túy, sử dụng số tiền 500.000 đồng đưa cho D để D đi mua ma túy, quá trình sử dụng ma túy thì châm lửa hơ nóng ma túy cho H1 sử dụng. Bị cáo Lê Thái H1 khi được bị cáo N rủ sử dụng ma túy thì đồng ý, trong quá trình sử dụng ma túy thì có hành vi châm lửa hơ nóng ma túy cho N sử dụng. Do vậy, Tòa sơ thẩm đánh giá bị cáo bị cáo Lê Hoài N giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo Lê Thái H1 có vai trò thấp nhất trong vụ án là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Lê Hoài N có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Tòa sơ thẩm áp dụng cho bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; cho bị cáo H1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[6] Xét thấy, các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý nên không thuộc trường hợp áp dụng biện pháp xử lý chuyển hướng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 3/5 (ba phần năm) mức phạt tù mà điều luật của Bộ luật Hình sự quy định, theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên. Vì vậy, mức hình phạt Tòa sơ thẩm tuyên phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như phù hợp với các quy định của Luật tư pháp người chưa thành niên. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo không có tài liệu căn cứ nào mới, các bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ nào khác nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến

của người bào chữa cho các bị cáo cũng như kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các bị cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt tại bản án hình sự sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Người đại diện của bị cáo Lê Hoài N là ông Lê Văn T, người đại diện của bị cáo Lê Thái H1 là ông Lê Văn S là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Thái H1 là ông Lê Văn S; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoài N là ông Lê Văn T; giữ nguyên mức hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2026/HS-ST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5- Bắc Ninh.

1.1. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); khoản 1 Điều 119 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên.

Xử phạt Lê Hoài N 05 (năm) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 31/3/2026). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025); khoản 1 Điều 119 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên.

Xử phạt Lê Thái H1 04 (bốn) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 31/3/2026). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho ông Lê Văn T, ông Lê Văn S.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng HSNV- Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- VKSND, TAND Khu vực 5- Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 5- Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Luyện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tú

Nguyễn Thị Hằng

Triệu Thị Luyện

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- VKS, TA Khu vực 4 - Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Triệu Thị Luyện